

Số: /BC-BNN-TCTS

*Hà Nội, ngày tháng năm*

## **BÁO CÁO**

**Tổng kết thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của  
Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản**

### **PHẦN I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

#### **I. BỐI CẢNH RA ĐỜI, THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN**

##### **1. Bối cảnh ra đời**

Để phát triển khai thác thủy sản xa bờ, Đảng và nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển khai thác xa bờ. Số tàu khai thác xa bờ tăng nhanh từ khoảng 1.300 tàu (năm 1997) tăng lên gần 28.000 tàu (năm 2014). Tuy nhiên khai thác xa bờ giai đoạn này mới phát triển theo chiều rộng, tàu đóng kích thước và công suất ngày càng lớn nhưng công nghệ khai thác và bảo quản, vật liệu đóng tàu còn lạc hậu, ít thay đổi.

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 09/02/2007 Hội nghị Ban chấp hành Trung ương 4 (khóa X) của Đảng về “Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020”. Theo chủ trương của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp Bộ Tài chính và các Bộ, ngành, địa phương xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/ 2014 về một số chính sách phát triển thủy sản và sau này được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015 và Nghị định 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018.

##### **2. Thuận lợi**

- Ngành thủy sản luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của Đảng, Chính phủ; qua đó, nhiều cơ chế, chính sách tiếp tục được triển khai thực hiện đặc biệt tại Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 8, khóa XII ban hành Nghị quyết số 36/NQ-TW ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2045.

- Nghị định 67/2014/NĐ-CP ra đời nhận được sự đồng tình ủng hộ của đông đảo bào con ngư dân, dư luận xã hội, sự quan tâm tuyên truyền của các cơ quan truyền thông, kịp thời đưa tin, bài về những mặt tích cực cũng như những hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện.

- Sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, sự vào cuộc mạnh mẽ của các Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng nhà nước Việt Nam và của lãnh đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố ven biển cùng với sự nỗ lực, cố gắng của các địa phương và bà con ngư dân trong việc tổ chức triển khai thực hiện chính sách.

### **3. Khó khăn**

- Tình hình an ninh trật tự, trên biển còn nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, Trung quốc ngày càng thực hiện yêu sách phi lý về đường lưỡi bò chiếm trên 80% diện tích biển Đông, tăng cường kiểm soát hoạt động khai thác trên biển, bắt giữ trái phép tàu cá và ngư dân trên các vùng biển tranh chấp, tôn tạo, kiểm soát các vùng biển vốn là ngư trường truyền thống của ngư dân Việt Nam. Vì vậy các ngư trường khai thác của ngư dân ta bị thu hẹp đáng kể, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của đội tàu đóng theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP.

- Thời tiết tiếp tục có những diễn biến bất thường, sự nóng lên của trái đất dẫn đến nguồn lợi thay đổi, biến động cả về số lượng và chất lượng không theo qui luật phân bố, trong khi nghề nghiệp, công nghệ khai thác, tập quán của ngư dân ít thay đổi, không theo kịp chưa tạo được những bước tiến đáng kể trong khai thác thủy sản, trong đó có đội tàu được đóng mới theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP.

- Tình trạng thiếu lao động trong khai thác hải sản vẫn diễn ra phổ biến nhiều địa phương, nhất là các lao động lành nghề, những lao động đã qua đào tạo. Nhiều chủ tàu rất khó khăn trong việc tìm kiếm lao động để đi biển.

- Các cơ sở hậu cần nghề cá như cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão đã được quy hoạch, nhưng đầu tư chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế phục vụ sản xuất, tình trạng thiếu cảng để neo đậu và bốc dỡ sản phẩm khai thác trở lên bức xúc. Đặc biệt khi tàu cá được đầu tư đóng mới theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày càng lớn hơn thì số lượng cảng, khu neo đậu tránh trú bão đáp ứng yêu cầu cho tàu cập cảng, neo đậu ngày càng ít.

## **II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN TẠI TRUNG ƯƠNG**

### **1. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ**

- Ngay khi Nghị định 67/2014/NĐ-CP được ban hành, Thủ tướng Chính phủ đã quyết liệt chỉ đạo các Bộ, Ngành liên quan xây dựng văn bản hướng dẫn kịp thời khi Nghị định 67/2014/NĐ-CP có hiệu lực để tổ chức thực hiện ngay và đồng bộ các chính sách.

- Thủ tướng Chính phủ đã chủ trì Hội nghị triển khai thực hiện Nghị định 67/2014/NĐ-CP tại tỉnh Khánh Hòa; Hội nghị trực tuyến toàn quốc về 01 năm triển khai thực hiện Nghị định.

- Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Văn Ninh đã chủ trì 04 Hội nghị để triển khai Nghị định, cũng như kịp thời chỉ đạo giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị định (*thông báo kết luận số: 254/VPCP-KTN ngày 13/01/2015, 48/TB-VPCP ngày 12/2/2014, 173/TB-VPCP ngày 20/5/2015 của Văn phòng Chính phủ và Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 01/6/2015 của Chính phủ*). Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng chủ trì Hội nghị 03 năm triển khai thực hiện Nghị định 67/2014/NĐ-CP.

- Để tháo gỡ khó khăn, các chính sách tiếp tục đi sâu hơn vào cuộc sống, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015 của Chính phủ, Quyết định 47/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 172/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016, Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về sửa đổi Nghị định 67/2014/NĐ-CP.

- Ngày 31/12/2016, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 113/NQ-CP về Hội nghị Chính phủ với địa phương và phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 12 năm 2016, trong đó cho phép kéo dài thực hiện Nghị định 67/2014/NĐ-CP đến 31/12/2017.

- Ngày 02/02/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định 17/2018/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định 67/2014/NĐ-CP.

## **2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Tổ chức các Hội nghị triển khai, hướng dẫn các địa phương tổ chức triển khai Nghị định 67/2014/NĐ-CP.

- Tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định 89/2015/NĐ-CP; kịp thời tháo gỡ khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Ban hành 04 Thông tư, 05 Quyết định, 40 văn bản hướng dẫn triển khai.

- Tổ chức các đoàn công tác của Bộ tới làm việc với các địa phương nắm tình hình triển khai thực hiện tại các địa phương và một số khó khăn, vướng mắc gặp phải trong quá trình triển khai thực hiện.

- Tham mưu Thủ tướng Chính phủ chủ trì Hội nghị tổng kết đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Nghị định 67/2014/NĐ-CP. Thực hiện kết luận của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định 17/2018/NĐ-CP.

## **3. Bộ Tài chính**

- Tổ chức Hội nghị triển khai; cấp kinh phí cho các địa phương thực hiện Nghị định; Tổ chức các đoàn công tác của Bộ tới các địa phương kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

- Tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 47/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 về việc ban hành chính sách thí điểm hỗ trợ một lần sau đầu tư đối với ngư dân đóng mới tàu cá công suất từ 400CV trở lên.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định số 172/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định 67/2014/NĐ-CP.

- Ban hành 05 Thông tư, 01 Quyết định và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Tổ chức nhiều Hội nghị tập huấn cho các địa phương về chính sách bảo hiểm; cấp kinh phí cho các địa phương thực hiện Nghị định.

#### **4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

- Tổ chức Hội nghị triển khai chính sách tín dụng. Điều chỉnh giảm lãi suất cho vay vốn lưu động phục vụ khai thác hải sản xa bờ từ 7%/năm xuống 6,5%/năm.

- Ban hành 03 Thông tư và các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định.

- Thành lập Đoàn công tác đi khảo sát, đánh giá tình hình triển khai Nghị định 67 tại các địa phương để tháo gỡ khó khăn trong triển khai thực hiện. Đồng thời tổ chức các buổi đối thoại trực tiếp với ngư dân để nắm bắt khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân chương trình từ đó có đề xuất xử lý phù hợp; kịp thời có văn bản chỉ đạo nhằm tháo gỡ khó khăn trong triển khai.

#### **5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

- Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 về ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

- Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi Quyết định 60/2009/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011 - 2015, trong đó đề xuất chương trình phát triển thủy sản bền vững gồm các nội dung đầu tư: Cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, hạ tầng nuôi trồng thủy sản, hạ tầng cơ sở sản xuất giống thủy sản.

- Triển khai công tác xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm 2016 - 2020 theo Luật Đầu tư công và Chỉ thị 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

### **III. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

- Tổ chức Hội nghị triển khai, thành lập Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định, nội dung của Nghị định đến với ngư dân.

- Ban hành tiêu chí, tổ chức xét duyệt chủ tàu đủ điều kiện đóng mới, nâng cấp theo quy định.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá, công bố các cơ sở đóng mới, nâng cấp sửa chữa tàu cá đủ điều kiện và báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp thông báo trên toàn quốc cho ngư dân biết và lựa chọn cơ sở đóng tàu.

- Tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng cơ sở hạ tầng cảng cá, bến cá, vùng nuôi trồng, sản xuất giống thủy sản tập trung trên địa bàn để tổng hợp đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư; báo cáo Bộ, ngành có liên quan để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện thiết kế mẫu tàu cá vỏ gỗ khai thác, dịch vụ hậu cần khai thác hải sản có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đảm bảo phù hợp với tập quán, đặc trưng vùng biển của địa phương và khu vực.

- Xây dựng dự toán chi tiết kinh phí thực hiện Nghị định đề báo cáo Bộ Tài chính và các Bộ, ngành có liên quan.

- Tích cực triển khai, kịp thời tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện đạt được và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện về các Bộ, ngành liên quan để có giải pháp tháo gỡ.

- Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện chính sách.

#### **IV. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

Sau 07 năm triển khai thực hiện, Nghị định 67/2014/NĐ-CP và các chính sách phát triển thủy sản đã thực sự đi vào cuộc sống, được dư luận xã hội đồng tình ủng hộ, đáp ứng nguyện vọng của đông đảo ngư dân; mục tiêu hiện đại hóa tàu cá bước đầu đã đạt được, số lượng tàu khai thác gần bờ giảm (13,2%), số lượng tàu cá khai thác xa bờ tăng (20,1%); tai nạn tàu cá giảm đáng kể; góp phần tích cực bảo vệ an ninh, chủ quyền quốc gia trên biển; ngư dân yên tâm bám biển sản xuất, đời sống người dân được nâng lên, nhiều mô hình liên kết sản xuất trên biển đã hình thành và phát triển. Đã đầu tư hoàn thành 191 dự án, bao gồm: (1) Về cảng cá: Đã đầu tư hoàn thành 28 cảng cá, lượng thủy sản qua cảng đạt 447.000 tấn/năm; (2) Về khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá: Đã đầu tư hoàn thành 67 khu neo đậu tránh trú bão với tổng công suất neo đậu tăng thêm 37.400 tàu vào neo đậu khi có gió bão; (3) Về hạ tầng giống thủy sản: Đầu tư hoàn thành 28 dự án hạ tầng sản xuất giống thủy sản trên cả nước (Trung tâm giống; trại sản xuất giống; vùng sản xuất giống tập trung); (4) Về hạ tầng nuôi trồng thủy sản: Đã đầu tư hoàn thành 89 dự án với diện tích nuôi trồng thủy sản tăng thêm khoảng 48.000ha; (5) Tăng cường năng lực quản lý ngành thủy sản: Đầu tư hoàn thành 02 dự án, tăng cường năng lực trong việc Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định Nuôi trồng thủy sản đồng bằng sông Cửu Long và quan trắc cảnh báo môi trường phòng ngừa dịch bệnh thủy sản khu vực Miền Bắc.

Năm 2020, tốc độ tăng giá trị sản xuất thủy sản (giá so sánh năm 2010) đạt 3,05% so với năm 2019, tổng sản lượng đạt 8,4 triệu tấn, tăng 1,8%, trong đó sản lượng khai thác đạt 3,85 triệu tấn, tăng 2,1%, nuôi trồng đạt 4,56 triệu tấn, tăng 1,5%. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản ước đạt 8,4 tỷ USD.

Kết quả thực hiện Nghị định 67/2014/NĐ-CP, cụ thể như sau:

## 1. Về chính sách đầu tư

### a) Kết quả thực hiện chính sách đầu tư giai đoạn 2015-2018

Thực hiện đầu tư hoàn thành đối với 12 dự án, theo đó nâng công suất các công trình ngành thủy sản với 3.090,8 tỷ đồng: Công suất cảng cá tăng thêm khoảng 620 tàu/năm, lượng hàng qua cảng tăng thêm 55.000 tấn/năm; Công suất Khu neo đậu tránh trú bão tăng thêm khoảng 2.200 tàu; Diện tích nuôi trồng thủy sản tăng thêm khoảng 4.000 ha; Cung cấp khoảng 12 tỷ tôm giống sạch bệnh và 1,5 tỷ giống nhuyễn thể sạch bệnh cho thị trường.

*Năm 2015:* Ngân sách nhà nước đã bố trí 1.501 tỷ đồng, tăng 30,5% so với năm 2014 (1.150 tỷ), trong đó:

- Nguồn vốn đầu tư qua Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý là 160 tỷ (năm 2014 là 90 tỷ) tăng 78%.

- Nguồn vốn chương trình hỗ trợ có mục tiêu thuộc lĩnh vực thủy sản gồm:

- + Đầu tư các dự án khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá là 480 tỷ đồng (năm 2014: 383 tỷ đồng), tăng 25%.

- + Dự án đầu tư phát triển hạ tầng nuôi trồng thủy sản bố trí 640,5 tỷ đồng (năm 2014 là 590 tỷ đồng), tăng 8%.

- + Đầu tư cho chương trình giống thủy sản là 220,2 tỷ đồng (năm 2014 là 115,2 tỷ đồng), tăng 91%.

*Năm 2016:* Ngân sách nhà nước đã bố trí được 949 tỷ đồng (giảm 22,5% so với năm 2015), trong đó vốn đầu tư qua Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý 125 tỷ đồng, địa phương quản lý 824 tỷ đồng.

*Năm 2017:* Ngân sách trung ương bố trí là 208,6 tỷ đồng (bao gồm: Vốn ngành thủy sản 146,8 tỷ đồng; vốn Chương trình mục tiêu 61,8 tỷ đồng). Thực hiện đầu tư hoàn thành đối với 01 dự án.

*Năm 2018:* Ngân sách trung ương bố trí là 432,2 tỷ đồng (bao gồm: Vốn ngành thủy sản 340,2 tỷ đồng; vốn Chương trình mục tiêu 92 tỷ đồng). Thực hiện đầu tư hoàn thành đối với 05 dự án.

### b) Kết quả thực hiện đầu tư giai đoạn 2019 – 2020:

*Năm 2019:*

- Về nguồn vốn đầu tư: Tổng vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN do Bộ Nông trong năm 2019 (tại văn bản số 595/BNN-KH ngày 28/01/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT) là 228 tỷ đồng, bao gồm:

+ Vốn ngành thủy sản: 157,6 tỷ đồng bố trí cho 09 dự án (bao gồm: 04 dự án hoàn ứng; 01 dự án trả nợ khối lượng hoàn thành; 04 dự án chuyển tiếp).

+ Vốn Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế thủy sản bền vững: 70,4 tỷ đồng bố trí cho 07 dự án (03 dự án chuẩn bị đầu tư; 04 dự án chuyển tiếp).

- *Thực hiện đầu tư năm 2019*: dự kiến thực hiện đầu tư hoàn thành đối với 02 dự án đầu tư<sup>1</sup>, nâng diện tích nuôi trồng thủy sản tập trung tăng thêm khoảng 140ha và cung cấp cho thị trường khoảng 12 tỷ giống tôm sạch bệnh.

*Năm 2020*:

- *Về nguồn vốn đầu tư*: Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 đã được giao là 1.586,4 tỷ đồng; đã phân bổ giai đoạn 2016-2019 là 1.283 tỷ đồng. Như vậy, dự kiến nguồn vốn bố trí năm 2020 là 286 tỷ đồng (Bao gồm: Vốn ngành thủy sản là 249 tỷ đồng; Vốn Chương trình mục tiêu là 37 tỷ đồng).

- *Thực hiện*: Tiếp tục thực hiện đầu tư đối với các chuyển tiếp từ năm 2019 chuyển sang, dự kiến thực hiện đầu tư hoàn thành đối với 02 dự án (bao gồm: Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Phú Quý, tỉnh Bình Thuận - giai đoạn 1; Hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau).

## **2. Về chính sách hỗ trợ đóng mới, nâng cấp tàu cá**

### **a) Chính sách tín dụng đóng mới, nâng cấp tàu cá**

(Thời gian ký hợp đồng tín dụng thực hiện đến hết ngày 31/12/2017, giải ngân trước ngày 31/12/2018)

- Ngày 19/8/2014 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định số 3602/QĐ-BNN phân bổ số lượng tàu đóng mới theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP cho các tỉnh, thành phố là 2284 chiếc (tàu khai thác là 2079 chiếc, tàu dịch vụ hậu cần là 205 chiếc).

- Đến ngày 31/8/2019, các ngân hàng đã ký hợp đồng tín dụng cho vay hơn 11.380 tỷ đồng đóng mới, nâng cấp 1.177 tàu, trong đó: cho vay vốn để đóng mới là 1.031 chiếc, chiếm 49,63% tổng số tàu đóng mới được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân bổ cho các địa phương (vỏ thép là 359 chiếc, tàu vật liệu mới là 98 chiếc, tàu vỏ gỗ là 574 chiếc; 864 tàu khai thác, 167 tàu dịch vụ hậu cần). Cho vay vốn để nâng cấp 146 tàu vỏ gỗ với tổng tiền cam kết cho vay đạt trên 11.700 tỷ đồng. Dư nợ đạt 10.509 tỷ đồng.

<sup>1</sup> Bao gồm: (1) Dự án Hạ tầng vùng Sản xuất giống thủy sản tập trung Chí Công, tỉnh Bình Thuận; (2) Dự án Hạ tầng vùng Nuôi trồng thủy sản ruộng trũng Ninh Bình (giai đoạn 1).

- Đến quý I/2021 dư nợ còn 8.058 tỷ đồng của 963 tàu còn dư nợ. Dư nợ xấu là 4.228 tỷ đồng của 482 tàu, chiếm 52,5% tổng dư nợ cho vay, phát sinh tại 26/27 tỉnh, thành phố ven biển tham gia chương trình.

b) Chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư (theo Quyết định số 47/QĐ-TTg và Nghị định 17/2018/NĐ-CP)

Quyết định số 47/QĐ-TTg hết hiệu lực từ 31/12/2017 và Nghị định 17/2018/NĐ-CP thực hiện đến hết ngày 31/12/2020.

Đến nay đã có 42 chủ tàu thực hiện đóng tàu theo cơ chế này; trong đó đã đóng xong 35 tàu (11 vỏ thép; 11 vỏ gỗ; 13 composite), đang đóng là 07 tàu. Số tàu đã được hỗ trợ một lần sau đầu tư là 39 tàu với tổng kinh phí 131,004 tỷ đồng, số còn lại đang làm thủ tục để hỗ trợ, trong đó:

- Hỗ trợ theo Quyết định số 47/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm cơ chế hỗ trợ đóng tàu một lần sau đầu tư là 18 tàu đã được hỗ trợ với tổng kinh phí hỗ trợ là 32,934 tỷ đồng (*Thái Bình 04 chiếc tàu, kinh phí hỗ trợ là 28,301 tỷ đồng; Quảng Bình 04 chiếc tàu, kinh phí hỗ trợ là 5,491 tỷ đồng; Quảng Trị 01 chiếc, kinh phí hỗ trợ 6,401 tỷ đồng; Quảng Ngãi 02 chiếc tàu, kinh phí hỗ trợ là 5,649 tỷ đồng; Bình Định 07 chiếc, kinh phí hỗ trợ 15,364 tỷ đồng*);

- Hỗ trợ theo Nghị định 17/2018/NĐ-CP: có 21 tàu đã hoàn thành đóng mới (*Nam Định 02 tàu, Nghệ An 03 tàu, Quảng Ngãi 01 tàu, Khánh Hòa 06 tàu, Ninh Thuận 08 tàu, Bình Thuận 01 tàu*) với Tổng kinh phí 98,07 tỷ đồng.

### **3. Chính sách cho vay vốn lưu động**

- Thực hiện Nghị định 67/2014/NĐ-CP, các Ngân hàng thương mại đã thẩm định, ký hợp đồng với 250 chủ tàu và thực hiện giải ngân với tổng số tiền gần 604 tỷ đồng.

- Thực hiện Nghị định 17/2018/NĐ-CP, các tổ chức tín dụng đã cho vay vốn ngắn hạn phục vụ khai thác xa bờ là 5.459 tỷ đồng, chiếm 3,6% tổng dư nợ cho vay toàn ngành khai thác thủy sản.

### **4. Về các chính sách bảo hiểm**

- Bảo hiểm thân tàu, ngư lưới cụ 39.189 lượt tàu, hỗ trợ 900,71 tỷ đồng;

- Bảo hiểm thuyền viên và 410.532 lượt người, hỗ trợ 123,12 tỷ đồng; Đây là chính sách an sinh đã góp phần giải quyết rủi ro cho người, tàu cá hoạt động trên biển đảm bảo cho ngư dân yên tâm bám biển nâng cao hiệu quả sản xuất.



## 5. Các chính sách khác

### a) Chính sách hỗ trợ đào tạo hướng dẫn thuyền viên

- Các địa phương đã tổ chức đào tạo, hướng dẫn thuyền viên tàu cá vận hành tàu cá vỏ thép, tàu vỏ vật liệu mới; hướng dẫn kỹ thuật khai thác, bảo quản sản phẩm theo công nghệ mới cho 3.779 thuyền viên với kinh phí là 17,49 tỷ đồng.

- Qua công tác đào tạo ngư dân được đào tạo đã biết vận hành, sửa chữa nhỏ tàu vỏ thép, tàu vỏ vật liệu mới; đảm bảo an toàn và hiệu quả khai thác hải sản trong mỗi chuyến biển.

### b) Chính sách hỗ trợ vận chuyển hàng hóa

Các tỉnh Hải Phòng, Thanh Hóa, Quảng Bình, Thừa Thiên – Huế, Tiền Giang, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu đã thẩm định, phê duyệt hỗ trợ 3.740 chuyến biển với số tiền là 155,54 tỷ đồng cho các tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên.

### c) Về thiết kế mẫu tàu cá

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Thông tư 25/2014/TT-BNN quy định yêu cầu kỹ thuật mẫu tàu cá vỏ thép, thành lập Hội đồng thẩm định, gồm các chuyên gia, các nhà quản lý trong ngành thủy sản, hàng hải. Thực hiện khảo sát lấy các mẫu tàu trong, ngoài nước, xin ý kiến các địa phương, ngư dân. Xây dựng, thẩm định và ban hành 21 mẫu thiết kế tàu cá vỏ thép và 21 mẫu thiết kế tàu cá vỏ composite của các nghề chính, lưu ý đây là thiết kế mẫu, người dân có quyền lựa chọn, sử dụng, có thể thay đổi để phù hợp với tập quán nghề nghiệp, sinh hoạt theo các vùng miền, địa phương, nhưng không làm thay đổi tính năng kỹ thuật cơ bản của tàu.

## V. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ, TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN

### 1. Những mặt đạt được

a) Nghị định số 67/2014/NĐ-CP mang tính đột phá, đồng bộ, phù hợp với tâm tư nguyện vọng của đông đảo ngư dân, góp phần quan trọng vào việc phát triển ngành thủy sản theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tái cơ cấu ngành thủy sản, phát triển bền vững. Các Bộ, ngành, địa phương đã tổ chức hướng dẫn, tổ chức thực hiện chính sách kịp thời, giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện tạo điều kiện thuận lợi cho ngư dân tham gia thực hiện chính sách. Về tổng thể, Nghị định 67/2014/NĐ-CP đã tạo được động lực để thúc đẩy nâng cao năng lực của ngành thủy sản phát triển về số lượng tàu cá xa bờ, sản lượng (*số tàu cá xa bờ tăng 20,1%, số tàu cá ven bờ giảm 13%*), tăng sức cạnh tranh, hướng đến nghề cá công nghiệp, hiện đại đóng góp nhất định vào việc bảo vệ trật tự, an ninh và chủ quyền Quốc gia trên biển.

b) Về chính sách đầu tư: Ngân sách Nhà nước bước đầu đã bố trí vốn đầu tư xây chương trình hỗ trợ có mục tiêu thuộc lĩnh vực thủy sản gồm: khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tạo điều kiện cho tàu cá tránh trú bão an toàn, giảm thiệt hại; đầu tư phát triển hạ tầng nuôi trồng thủy sản; chương trình phát triển giống thủy sản.

c) Về chính sách tín dụng

- Mục tiêu về hiện đại hóa tàu cá bước đầu đã đạt được: có 42,5% là tàu đóng mới vỏ thép, vỏ vật liệu mới, với khoảng trên 50% tàu có công suất từ 800CV trở lên được trang bị hiện đại; góp phần giảm áp lực khai thác vùng biển ven bờ, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, nâng cao đời sống của cộng đồng ngư dân ven biển.

- Các tàu cá vỏ thép có công suất lớn, trang bị hiện đại đi vào hoạt động đã làm thay đổi nhận thức, tác phong làm việc của ngư dân theo hướng công nghiệp; điều kiện làm việc, sinh hoạt của thuyền viên trên tàu cá được cải thiện và nâng cao.

- Chính sách đã tạo động lực khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư hạ tầng dịch vụ hậu cần nghề cá như cảng cá, các kho đông, kho lạnh. Cơ sở sản xuất nước đá; ngư dân mạnh dạn đầu tư trang bị hiện đại và ứng dụng công nghệ, kỹ thuật khai thác và bảo quản sản phẩm tiên tiến để nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Mô hình tổ, đội, nghiệp đoàn nghề cá được hình thành, góp phần hỗ trợ nhau trong sản xuất và cứu hộ cứu nạn trên biển khi gặp sự cố.

- Việc lựa chọn, thẩm định ngư dân được hưởng chính sách theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP được các địa phương thực hiện từ cơ sở đến cấp tỉnh công khai, minh bạch làm cho ngư dân thấy được tính ưu việt của chính sách và chủ động tham gia.

- Rút kinh nghiệm từ việc triển khai các chính sách trước việc kiểm tra, đánh giá và công bố công khai, rộng rãi các cơ sở đóng tàu đủ điều kiện đóng mới, nâng cấp tàu cá; việc xây dựng và công bố các mẫu thiết kế mẫu tàu cá vỏ gỗ, vỏ thép và vỏ composite tạo điều kiện cho ngư dân lựa chọn mẫu thiết kế và cơ sở đóng tàu phù hợp để thực hiện đóng mới, nâng cấp tàu cá.

d) Về các nội dung khác

- Công tác kiểm tra, đánh giá và công bố công khai, rộng rãi các cơ sở đóng tàu đủ điều kiện đóng mới, nâng cấp tàu cá; xây dựng và công bố các mẫu thiết kế mẫu tàu cá vỏ gỗ, vỏ thép và vỏ composite đã tạo điều kiện cho ngư dân lựa chọn mẫu thiết kế và cơ sở đóng tàu phù hợp để thực hiện đóng mới, nâng cấp tàu cá;

- Các tàu cá vỏ thép có công suất lớn, trang bị hiện đại đi vào hoạt động đã làm thay đổi nhận thức, tác phong làm việc của ngư dân theo hướng công nghiệp; điều kiện làm việc, sinh hoạt của thuyền viên trên tàu cá được cải thiện và nâng cao.

## 2. Một số tồn tại

Trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị định 67/2014/NĐ-CP, Nghị định 17/2018/NĐ-CP các khó khăn, vướng mắc đã được Chính phủ và các Bộ, ngành tích cực tháo gỡ. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện còn một tồn tại, vướng mắc cần tiếp tục được quan tâm giải quyết, cụ thể:

a) Tồn tại trong việc triển khai thực hiện các chính sách

- *Về chính sách đầu tư:*

+ Việc thực hiện chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng nghề cá chưa đạt được theo mục tiêu của Nghị định, ngân sách bố trí để thực hiện chính sách này còn hạn chế (*năm 2015 tăng 30,5% so với 2014; năm 2016 giảm 22,5% so với năm 2015*). Các công trình hạ tầng nghề cá bị xuống cấp, quá tải.

+ Việc thực hiện chính sách đầu tư hạ tầng nuôi trồng thủy sản chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Tỷ trọng đầu tư cho hạ tầng kỹ thuật nuôi trồng thủy sản so với đầu tư hạ tầng toàn ngành còn thấp, nhất là nuôi biển hầu như không được đầu tư, hỗ trợ, khuyến khích.

- *Về chính sách tín dụng:* Tín dụng cho vay đóng mới, nâng cấp tàu cá:

Đến quý I/2021 dư nợ còn 8.058 tỷ đồng của 963 tàu còn dư nợ. Dư nợ xấu là 4.228 tỷ đồng của 482 tàu, chiếm 52,5% tổng dư nợ cho vay, phát sinh tại 26/27 tỉnh, thành phố ven biển tham gia chương trình, trong đó:

+ Dư nợ tại BIDV là 3.765 tỷ đồng của 333 tàu, nợ xấu là 3.555 tỷ đồng của 281 tàu, nợ xấu cao nhất trong 4 NHTM tham gia chương trình chiếm 94,54%;

+ Dư nợ Agribank là 3.744 tỷ đồng của 467 tàu (chưa bao gồm nợ đã xử lý rủi ro là 1.357 tỷ đồng của 127 khách hàng), tỷ lệ nợ xấu nội bảng là 12,5% (471 tỷ đồng của 52 khách hàng);

+ Dư nợ Vietinbank là 401.7 tỷ đồng của 122 tàu (chưa bao gồm 124,9 tỷ đã xử lý rủi ro cho 13 khách hàng), nợ xấu chiếm 50% (201.56 tỷ đồng của 37 chủ tàu);

+ Dư nợ Vietcombank đạt 147 tỷ đồng (41 tàu) (chưa bao gồm đã xử lý dự phòng rủi ro 313 tỷ đồng của 53 tàu), nợ xấu 0%.

+ Cho vay vốn lưu động đạt thấp so với số ngư dân có nhu cầu, nên nhiều ngư dân khi cần tiền vẫn phải vay qua nậu hoặc vay tín dụng đen. Nguyên nhân do: Mức ưu đãi đối với ngư dân vay vốn lưu động 6,5% là chưa cao trong khi cơ chế cho vay vẫn là cơ chế cho vay thương mại thông thường thủ tục phê duyệt qua nhiều cấp (từ cấp xã lên đến cấp tỉnh) nên chưa tạo điều kiện đối với ngư dân vay vốn lưu động; Phương thức cho vay chưa phù hợp, vay theo mỗi chuyến biển nên hàng tháng phải làm thủ tục vay nên không thuận lợi cho ngư dân.

- *Chính sách bảo hiểm:* Mới đáp ứng được 62% tàu cá xa bờ tham gia chính sách bảo hiểm và 56% ngư dân đi khai thác trên biển được hưởng chính sách. Ngoài chính sách hỗ trợ bảo hiểm theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP, ngư dân còn được lựa chọn chính sách hỗ trợ bảo hiểm theo Quyết định 48/2010/QĐ-TTg.

- *Về các chính sách khác:*

+ Số lượng thuyền viên đi trên tàu vỏ thép, vật liệu mới hoặc ứng dụng công nghệ mới trong khai thác, bảo quản sản phẩm cho tàu từ 400CV trở lên được đào tạo, hướng dẫn kỹ thuật còn rất thấp chỉ đáp ứng được khoảng 10% so với yêu cầu thực tế.

+ Chính sách hỗ trợ nhiên liệu đi về cho các tàu dịch vụ hậu cần nghề cá trên biển rất ít các địa phương tham gia.

+ Chính sách hỗ trợ về thiết kế mẫu: có khoảng 20% tàu cá vỏ thép, vật liệu mới đóng mới sử dụng thiết kế mẫu.

+ Chính sách hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng cho tàu vỏ thép: đến nay mới có 05 tỉnh triển khai hỗ trợ từ chính sách này.

b) *Tồn tại khi đưa tàu vào hoạt động sản xuất*

- Về các tàu vỏ thép bị hư hỏng. Ngay sau khi các tàu vỏ thép xuất xưởng, bàn giao cho chủ tàu đưa tàu vào hoạt động sản xuất đã có 41 tàu bị hư hỏng. Trong đó:

+ Có 20 tàu bị hư hỏng nhẹ được các cơ sở đóng tàu, ngư dân và các đơn vị liên quan tiến hành khắc phục, sửa chữa và đi hoạt động bình thường.

+ Có 20 tàu bị hỏng nặng gồm: 05 tàu cá đóng tại Công ty TNHH Đại Nguyên Dương (Nam Định), 15 tàu cá đóng tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu (Hải Phòng) bị hư hỏng nặng, tranh chấp giữa chủ tàu và nhà máy kéo dài đến cuối năm 2017 mới giải quyết xong, hiện các tàu đã đi vào hoạt động bình thường.

- Công tác duy tu, bảo dưỡng tàu vỏ thép: hiện có 278 tàu chiếm trên 65% tàu cá vỏ thép, chủ tàu không thực hiện duy tu, bảo dưỡng tàu cá theo quy trình. Những tàu cá vỏ thép đã hoạt động trên 30 tháng đã đến chu kỳ kiểm tra trên đà, tuy nhiên các chủ tàu chưa thực hiện đưa tàu lên đà sửa chữa, duy tu theo quy định, dẫn đến nhiều tàu bị gỉ sét, xuống cấp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tuổi thọ, hoạt động của tàu.

- Một số tàu cá vỏ thép chủ tàu tự cải hoán, chuyển đổi nghề, không có văn bản chấp thuận của cơ quan thủy sản địa phương và không có hồ sơ thiết kế cải hoán, chuyển đổi nghề.

Việc không tham gia bảo hiểm, không thực hiện công tác đăng kiểm theo quy định, không duy tu bảo dưỡng theo quy trình dẫn đến những rủi ro rất lớn cho chủ tàu về an toàn cho người và phương tiện khi hoạt động trên biển, cho Ngân hàng thương mại về việc thu hồi vốn đầu tư và lãi suất theo quy định và ảnh hưởng rất lớn đến tính hiệu quả của chính sách.

### **3. Nguyên nhân**

- Mục tiêu đầu tư cho cơ sở hạ tầng nghề cá không đạt được do nguồn vốn đầu tư cho xây dựng mới, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nghề cá còn thiếu, việc cấp vốn dàn trải.

- Việc phê duyệt danh sách chủ tàu đủ điều kiện vay vốn đóng mới một số trường hợp chưa đúng, chủ tàu không am hiểu về nghề, không có nghề. Một số chủ tàu không đủ năng lực để quản lý, vận hành, khai thác tàu mới đóng quy mô lớn, hiện đại. Vì vậy, khi tàu đóng xong đi vào hoạt động đạt hiệu quả thấp.

- Việc phê duyệt phương án sản xuất kinh doanh của địa phương chưa xem xét kỹ đến các yếu tố tác động đến ngành nghề khai thác hải sản, dịch vụ hậu cần hoặc biến động nguồn lợi, khi tàu đi vào hoạt động hiệu quả thấp. Việc ngư dân muốn chuyển đổi nghề gặp nhiều khó khăn do không cho vay vốn bổ sung, nếu chuyển đổi nghề lại không được hỗ trợ lãi suất do thay đổi phương án sản xuất kinh doanh đã phê duyệt.

- Một số tàu hoạt động không hiệu quả như: tàu dịch hậu cần nghề cá do không có bạn hàng, không có vốn tạm ứng cho chủ tàu khai thác nên không mua được cá trên biển; tàu làm nghề câu đóng quá lớn (tải trọng lên đến một hai trăm tấn nhưng sản lượng khai thác chỉ khoảng vài ba tấn); trữ lượng cá thu giảm mạnh nên nghề lưới rê hoạt động không hiệu quả.

- Một số ngư dân có tư tưởng cho rằng đây là chính sách hỗ trợ bằng nguồn vốn của Nhà nước mà chưa hiểu đây là nguồn vốn ngư dân vay của Ngân hàng thương mại và phải chịu trách nhiệm về khoản vay này nên phát sinh hiện tượng ngư dân chây ì, không trả nợ hoặc kéo dài thời gian trả nợ.

- Cơ quan quản lý địa phương còn thụ động, chưa kịp thời nắm bắt thông tin để tháo gỡ vướng mắc cho người dân trong quá trình triển khai các chính sách của nhà nước dẫn đến hiệu quả thấp, tàu nằm bờ.

- Quy chuẩn định mức kinh tế kỹ thuật đối với tàu vỏ thép ban hành chậm dẫn đến việc tàu vỏ thép đã duy tu, bảo dưỡng nhưng địa phương không xác định được hạng mục, định mức hỗ trợ để hướng dẫn chủ tàu hoàn thiện hồ sơ để hưởng chính sách, trong khi đó, nhiều chủ tàu thiếu tiền nên chưa thực hiện việc duy tu theo quy định.

- Công tác đào tạo ngư dân trước khi đóng mới tàu chưa làm tốt để người dân có kiến thức giám sát quá trình đóng và sử dụng tàu một cách hiệu quả, cụ thể:

+ Ngư dân hiểu biết về tàu vỏ thép còn hạn chế nên việc giám sát đóng mới tàu cá của chủ tàu chưa đầy đủ, chặt chẽ; một số trường hợp phó mặc cho nhà máy đóng tàu dẫn đến nhiều tàu bị hư hỏng khi đi vào hoạt động;

+ Trình độ kỹ thuật của chủ tàu và lao động trên tàu còn hạn chế, một số ngư dân chưa có kinh nghiệm khai thác ở các vùng biển xa, ngư trường mới, trong khi, nguồn lợi hải sản suy giảm, thời tiết ngày càng diễn biến bất thường đã ảnh hưởng đến hiệu quả đánh bắt của ngư dân;

+ Việc tiếp thu kiến thức, kỹ năng sử dụng, vận hành tàu cá vỏ thép chậm; chưa phát huy hết tính năng kỹ thuật của các trang thiết bị hiện đại được trang bị trên tàu trong quá trình hoạt động trên biển, thậm chí còn vận hành chưa đúng quy trình kỹ thuật dẫn đến hư hỏng một số trang thiết bị trên tàu;

+ Thiết kế mẫu tàu cá vỏ thép được ban hành, nhưng một số ngư dân yêu cầu nhà máy đóng tàu, đóng theo mẫu tàu vỏ gỗ dẫn đến hệ lụy một số tàu vỏ thép không đảm bảo ổn tính, khai thác tàu không hiệu quả.

+ Chưa nhận thức tầm quan trọng của việc duy tu, bảo dưỡng tàu vỏ thép nên tàu bị xuống cấp nhanh, thường xuyên bị hỏng, tàu phải nằm bờ sửa chữa dẫn đến hiệu quả sản xuất thấp.

## **PHẦN II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP, ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH LĨNH VỰC THỦY SẢN TRONG THỜI GIAN TỚI**

### **I. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TIẾP TỤC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TẠI NGHỊ ĐỊNH 67/2014/NĐ-CP**

1. Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ. Trong đó xác định rõ chủ tàu chịu trách nhiệm trước pháp luật về vốn vay Ngân hàng đóng mới, cải hoán tàu cá.

2. Tiếp tục phối hợp với Ngân hàng căn cứ vào nội dung phương án sản xuất kinh doanh của chủ tàu đã được thẩm định, phê duyệt để rà soát, đánh giá thực tế hoạt động sản xuất của chủ tàu. Phân loại các chủ tàu để có hướng xử lý cụ thể.

3. Trường hợp chủ tàu không đủ năng lực để tiếp tục hoạt động, có nhu cầu chuyển nhượng tàu cho chủ tàu mới thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 17/2018/NĐ-CP.

4. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức vận hành, khai thác thủy sản của tàu cá vỏ thép và vật liệu mới cho ngư dân.

5. Kiểm tra, giám sát thường xuyên, yêu cầu chủ tàu thực hiện nghiêm các quy định, quy trình duy tu bảo dưỡng tàu cá vỏ thép, quy định về cải hoán, chuyển đổi nghề và thực hiện kiểm tra, đăng kiểm tàu đúng thời gian quy định.

## **II. RÀ SOÁT, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CHÍNH SÁCH TẠI NGHỊ ĐỊNH 67/2014/NĐ-CP**

**1. Tiếp tục thực hiện một số chính sách đã được quy định tại Nghị định 67, có điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành**

a) Chính sách đầu tư

- *Tiếp tục có cơ chế chính sách đầu tư, hỗ trợ đầu tư ngành thủy sản theo quy định tại Điều 3 Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ, trong đó quy định rõ hơn cơ chế, chính sách đầu tư, hỗ trợ đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cho các dự án đầu tư lĩnh vực thủy sản (cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, giống thủy sản, nuôi trồng thủy sản tập trung, nuôi trồng thủy sản trên biển, ...), qua đó tăng cường nguồn lực đầu tư cho ngành thủy sản thực hiện theo các quy hoạch chuyên ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.*

- Tuy nhiên, vẫn còn một số nội dung trong các chính sách cần được rà soát, điều chỉnh, bổ sung phù hợp quy định mới của Luật thủy sản năm 2017, Nghị định hướng dẫn Luật Thủy sản và các Thông tư hướng dẫn có liên quan và thực tế triển khai như:

+ Về đầu tư Hạ tầng nuôi biển: Cần quy định cụ thể, rõ ràng hơn về cơ chế, chính sách Ngân sách Trung ương hỗ trợ đầu tư: Hạng mục công trình hỗ trợ; mức hỗ trợ phù hợp với vị trí địa lý của dự án (khoảng cách so với đất liền);

+ Về đầu tư Hạ tầng Khu bảo tồn biển: Hiện chưa có cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư, cần được bổ sung (cần quy định rõ hạn mức hỗ trợ; các hạng mục công trình được hỗ trợ...).

+ Về công tác duy tu, bảo trì công trình: Cần bổ sung quy định Địa phương có trách nhiệm bố trí kinh phí duy tu, bảo trì công trình phù hợp với Phương án duy tu, bảo trì công trình được duyệt khi dự án đi vào vận hành.

+ Có cơ chế ưu tiên, khuyến khích đối với các Địa phương chủ động bố trí kinh phí từ NSDP đầu tư hoặc tham gia đầu tư các dự án thủy sản thuộc đối tượng được hưởng các chính sách đầu tư tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP.

### b) Chính sách Bảo hiểm

Nhằm đảm bảo an toàn cho người và tàu cá trong hoạt động khai thác; người, cơ sở nuôi và vật nuôi trong hoạt động nuôi biển nhằm hỗ trợ rủi ro do thiên tai, tai nạn trong quá trình sản xuất. Ngoài việc tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm cho người và tàu cá trong hoạt động khai thác được quy định tại Điều 5 Nghị định 67, bổ sung chính sách hỗ trợ bảo hiểm cho người, cơ sở nuôi, vật nuôi trong nuôi biển. Đây là chính sách an sinh để góp phần giải quyết rủi ro cho ngư dân yên tâm bám biển nâng cao hiệu quả sản xuất.

c) Chính sách đào tạo thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền viên tàu cá, kỹ thuật khai thác, bảo quản sản phẩm theo công nghệ tiên tiến trên tàu cá

Qua công tác đào tạo ngư dân được đào tạo đã biết vận hành, sửa chữa nhỏ tàu vỏ thép, tàu vỏ vật liệu mới; đảm bảo an toàn và hiệu quả khai thác hải sản trong mỗi chuyến biển. Tuy nhiên, số lượng thuyền viên đi trên tàu vỏ thép, vật liệu mới hoặc ứng dụng công nghệ mới trong khai thác, bảo quản sản phẩm cho tàu từ 400CV trở lên được đào tạo, hướng dẫn kỹ thuật còn rất thấp, chỉ đáp ứng được khoảng 10% so với yêu cầu thực tế.

Hiện nay, nuôi trồng thủy sản trên biển đang là hướng đi mới trong hoạt động thủy sản, góp phần tăng trưởng của ngành và an ninh trên biển. Tuy nhiên, kỹ thuật quản lý và kỹ năng nuôi biển mang tính đặc thù, cần phải được đào tạo mới và có hỗ trợ cho đào tạo.

Nhằm đào tạo thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền viên tàu cá, kỹ thuật nuôi biển, kỹ năng quản lý nuôi biển, kỹ thuật khai thác, bảo quản sản phẩm theo công nghệ tiên tiến trên tàu cá có năng lực, kinh nghiệm, trình độ để nâng cao năng suất cũng như chất lượng của sản phẩm, việc đề nghị Chính phủ ban hành Nghị định tiếp tục quy định “*Chính sách đào tạo thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền viên tàu cá, kỹ thuật khai thác, bảo quản sản phẩm theo công nghệ tiên tiến trên tàu cá, quản lý nuôi biển, kỹ thuật viên nuôi trồng thủy sản trên biển*” là rất cần thiết.

### d) Chính sách chuyển đổi chủ tàu

Nhằm chuyển đổi chủ tàu không còn khả năng tiếp tục thực hiện dự án đóng mới, nâng cấp tàu hoặc chủ tàu đã hoàn thành đóng mới, nâng cấp nhưng không còn đủ khả năng lực để hoạt động khai thác hải sản, chủ tàu mới tiếp tục được hưởng hỗ trợ lãi suất khi nhận bàn giao tàu và khoản nợ vay từ chủ tàu cũ.

Nhiều chủ tàu mới chỉ đồng ý nhận bàn giao lại tàu và khoản nợ vay tương ứng giá trị thực tế con tàu được định giá lại tại thời điểm bàn giao (thấp hơn giá trị khoản nợ của chủ tàu cũ tại ngân hàng); trong khi đó, Nghị định 17/2018/NĐ-CP chưa có cơ chế xử lý chênh lệch giữa giá trị khoản nợ vay của



chủ tàu cũ và giá trị thực tế của con tàu được định giá lại tại thời điểm bàn giao. Quy định hiện nay chỉ cho phép hỗ trợ lãi suất đối với các khoản nợ vay chưa quá hạn (trường hợp chủ tàu mới nhận lại khoản nợ vay bị nợ quá hạn của chủ tàu cũ thì không được hưởng lãi suất), không khuyến khích chủ tàu mới nhận chuyển nhượng tàu.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong hoạt động khai thác thủy sản, việc Chính phủ ban hành Nghị định tiếp tục quy định “*Chính sách chuyển đổi chủ tàu*” là rất cần thiết. Cần sửa đổi bổ sung các quy định, xây dựng cơ chế xử lý chênh lệch giữa giá trị khoản nợ vay của chủ tàu cũ và giá trị thực tế của con tàu được định giá lại tại thời điểm bàn giao, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan và đúng quy định của pháp luật.

#### đ) Chính sách hỗ trợ chi phí duy tu, sửa chữa định kỳ đối với tàu cá vỏ thép

Nhằm giảm áp lực về tài chính cho ngư dân, Nhà nước đã dành một khoản kinh phí để hỗ trợ trong việc duy tu, sửa chữa định kỳ đối với tàu cá vỏ thép có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên.

Thực tế hiện nay có rất ít địa phương triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ duy tu, sửa chữa định kỳ đối với tàu cá vỏ thép; khoảng trên 50% tàu cá vỏ thép, chủ tàu không thực hiện duy tu, bảo dưỡng tàu cá theo quy trình. Những tàu cá vỏ thép đã hoạt động trên 30 tháng đã đến chu kỳ kiểm tra trên đà, tuy nhiên các chủ tàu chưa thực hiện đưa tàu lên đà sửa chữa, duy tu theo quy định, dẫn đến nhiều tàu bị gỉ sét, xuống cấp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tuổi thọ, hoạt động của tàu. Bên cạnh đó, nhiều chủ tàu thiếu tiền, hoặc đã sửa chữa nhưng thủ tục thanh toán qua nhiều khâu, không tiếp cận được chính sách hỗ trợ.

Việc hỗ trợ một lần, chuyển từ hỗ trợ kèm theo các thủ tục thẩm định, thanh toán chi phí cho chủ tàu cá trong việc duy tu, sửa chữa định kỳ tàu cá vỏ thép sang hỗ trợ 01 lần sau duy tu, bảo dưỡng là phù hợp, thuận lợi cho ngư dân.

## **2. Bãi bỏ một số chính sách**

- Chính sách hỗ trợ 01 lần cho đóng tàu vỏ thép theo Nghị định 17.
- Các chính sách đã có trong các văn bản quy phạm pháp luật khác.

## **III. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH THEO LUẬT THỦY SẢN 2017 (CHƯA CÓ TRONG NGHỊ ĐỊNH 67/2014/NĐ-CP)**

### **1. Chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư trong nuôi biển**

Nhằm hỗ trợ cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển, cơ sở sản xuất sản xuất giống phục vụ nuôi trồng thủy sản trên biển; huy động các thành phần kinh tế tham gia nuôi biển, góp phần thực hiện thành công NQ 36 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển đến năm 2030, tầm nhìn 2045 của Ban chấp hành

trung ương Đảng khóa XII, Quyết định 339/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản đến năm 2030, tầm nhìn 2045. góp phần thực hiện mục tiêu kinh tế, chính trị, an ninh quốc phòng và công việc, đời sống người tham gia nuôi biển vào mục tiêu chung của ngành. Trong khi đó, chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư đối với Nuôi biển chưa được quy định. Để hỗ trợ sơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển; cơ sở sản xuất giống phục vụ nuôi trồng thủy sản trên biển có hiệu quả, đảm bảo mục tiêu sản xuất đề ra, việc Chính phủ ban hành Nghị định quy định “Chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư đối với nuôi biển” là rất cần thiết. Cần quy định rõ điều kiện, mức, trình tự thủ tục thực hiện chính sách cho phù hợp.

## **2. Chính sách Bảo tồn, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản**

### **a) Đối với Bảo tồn biển**

- Hỗ trợ các khu bảo tồn biển có đủ cơ sở vật chất để tăng cường năng lực và hiệu quả quản lý nhằm mục tiêu bảo vệ các hệ sinh thái, các loài sinh vật biển nguy cấp, quý, hiếm, có giá trị kinh tế, khoa học; góp phần phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam theo đúng mục tiêu được đề ra tại Nghị quyết 36-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam; Góp phần cải thiện sinh kế cho cộng đồng ngư dân ven biển, từ đó giảm áp lực khai thác nguồn lợi tự nhiên lên các khu bảo tồn biển.

- Tác động tích cực đối với ngành:

+ Bảo tồn và phục hồi được đa dạng sinh học, đặc biệt là các hệ sinh thái điển hình (san hô) và sinh cảnh tự nhiên quan trọng đối với các loài thủy sinh; tạo ra nơi cư trú, bảo vệ cho những loài bị khai thác mạnh, bị đe dọa và có nguy cơ tuyệt chủng. Làm gia tăng mật độ sinh vật biển, gia tăng sinh khối và kích thước của sinh vật cũng như tính đa dạng sinh học so với vùng ở ngoài khu bảo tồn.

+ Bảo vệ đa dạng nguồn gen của những quần thể bị khai thác nhiều và làm tăng hiệu quả sinh sản của các loài trong khu bảo tồn, tạo ra hiệu ứng tự phục hồi và tái tạo nguồn giống hải sản tự nhiên trong phạm vi khu bảo tồn.

+ Tạo ra nguồn lợi để phát tán ra các vùng biển xung quanh sau khi phục hồi về số lượng và quần đàn, khu bảo tồn biển sẽ là trung tâm phát tán ấu trùng, con non và con trưởng thành của sinh vật biển ra ngoài phạm vi khu bảo tồn, làm gia tăng trữ lượng hải sản ở các khu vực biển lân cận. Góp phần tăng năng suất đánh bắt do duy trì được trữ lượng và ổn định nguồn lợi hải sản không bị sụt giảm. Đóng góp vào mục tiêu phát triển bền vững ngành kinh tế thủy sản nói riêng và kinh tế biển nói chung.

+ Bảo vệ các hệ sinh thái và cảnh quan đặc trưng, tạo sự sức hấp dẫn đối với khách du lịch, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch biển bền vững và các hoạt động nghiên cứu khoa học, giáo dục và đào tạo phục vụ phát triển

ngành thủy sản và các kinh tế biển nói chung.

- Tác động đối với kinh tế:

+ Làm gia tăng nguồn lợi thủy sản, tăng sản lượng khai thác tại các vùng lân cận khu bảo tồn, duy trì sản lượng khai thác thủy sản qua đó làm tăng thu nhập và góp phần phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương ven biển.

+ Tạo cơ hội việc làm và tăng thu nhập cho người dân địa phương (trực tiếp hoặc gián tiếp) thông qua việc phát triển du lịch và các dịch vụ du lịch biển.

+ Thu hút nguồn vốn của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực bảo tồn biển và phát triển dịch vụ du lịch.

- Tác động đối với xã hội:

+ Nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cộng đồng dân cư địa phương về công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản và tài nguyên biển

+ Gắn kết trách nhiệm, vai trò và kiến thức bản địa của người dân địa phương trong các hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học và nguồn lợi sinh vật biển. Đòi sống vật chất và văn hóa, tinh thần của người dân địa phương ven biển được nâng cao nhờ việc tăng thu nhập, tạo sinh kế bền vững.

+ Nâng cao vai trò của các tổ chức, đoàn thể trong công tác quản lý và bảo tồn đa dạng sinh học biển; Góp phần quan trọng trong việc khẳng định, bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển.

- Tác động tiêu cực: Chưa phát hiện tác động tiêu cực của chính sách trong quá trình đánh giá.

b) Đối với Đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản

- Mục tiêu: Hỗ trợ người dân thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản góp phần thúc đẩy phát triển thủy sản bền vững và có trách nhiệm. Nâng cao được ý thức của người dân trong việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khai thác và nuôi trồng thủy sản có trách nhiệm.

*Tác động đối với ngành thủy sản:*

- Tác động tích cực đối với ngành thủy sản: Nguồn lợi thủy sản được duy trì, phát triển; Nhà nước chia sẻ quyền quyền hạn và trách nhiệm quản lý nguồn lợi thủy sản với người dân, thông qua đó tiết kiệm được một phần nguồn nhân lực, tài chính cho công tác tuần tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và khai thác thủy sản.

- Tác động tiêu cực: chưa phát hiện tác động tiêu cực của chính sách trong quá trình đánh giá.

*Tác động về xã hội:*

- Tác động tích cực về xã hội:

+ Tăng cường sự đoàn kết, đồng thuận trong cộng đồng người dân cùng nhau chia sẻ trách nhiệm, quyền lợi từ hoạt động quản lý nguồn lợi thủy sản tại khu vực được giao quản lý.

+ Nâng cao ý thức, năng lực cho cộng đồng tham gia quản lý nguồn lợi thủy sản góp phần bảo vệ và phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản.

- Tác động tiêu cực: chưa phát hiện tác động tiêu cực của chính sách trong quá trình đánh giá.

*Tác động về giới:* Tăng cường vai trò, sự tham gia của phụ nữ trong quá trình thực hiện phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản như tổ chức dịch vụ, du lịch giải trí gắn với hoạt động thủy sản...

*Tác động đối với hệ thống pháp luật:* góp phần thực hiện quy định về đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn thi hành.

### **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành, địa phương xây dựng, trình Chính phủ Nghị định thay thế Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, trong đó kế thừa một số chính sách tại Nghị định 67/2014/NĐ-CP và bổ sung một số chính sách mới phù hợp với Luật Thủy sản năm 2017 và các Nghị quyết, văn bản có liên quan.

***Nơi nhận:***

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, TCTS. NTA (10).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Phùng Đức Tiến**